

Số: 21/2026/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội  
(thực hiện điểm c khoản 1 Điều 7 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thi hành Luật Thủ đô;

Xét Tờ trình số 200/TTr-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 58/BC-BPC ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; Báo cáo số 195/BC-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc tiếp thu, giải trình, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội; Báo cáo số 199/BC-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc tiếp thu, giải trình thảo luận Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố về các nội dung trình kỳ họp thứ 3 Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XVII; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội tại kỳ họp thứ 3;

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị quyết này quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; chức danh, số lượng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội;
- b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;
- c) Cộng đồng dân cư tại thôn, tổ dân phố.

#### **Điều 2. Thôn, tổ dân phố**

1. Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực thuộc phạm vi một đơn vị hành chính cấp xã (xã, phường); là nơi thực hiện dân chủ trực tiếp để phát huy các hình thức hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tổ chức để Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ do chính quyền địa phương cấp xã giao theo quy định; đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy và sự quản lý trực tiếp của chính quyền cấp xã.

2. Việc xác định loại hình thôn, tổ dân phố và tên gọi cụ thể thực hiện theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp xã, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và Nghị quyết này.

3. Thôn được tổ chức ở xã, tổ dân phố được tổ chức ở phường.

4. Đối với địa bàn có yếu tố đặc thù của Thủ đô, căn cứ điều kiện cư trú, lịch sử hình thành cộng đồng dân cư, mức độ đô thị hóa, quy hoạch, hạ tầng, phong tục, tập quán và yêu cầu quản lý, có thể tổ chức thôn trong phường hoặc tổ dân phố trong xã để phù hợp với thực tiễn quản lý cộng đồng dân cư. Việc tổ chức, sắp xếp các trường hợp đặc thù này phải được lấy ý kiến Nhân dân, có ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, tạo sự đồng thuận, ổn định đời sống cộng đồng và do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định theo trình tự, thủ tục quy định tại Nghị quyết này.

5. Việc tổ chức thôn, tổ dân phố theo khoản 4 Điều này không làm thay đổi bản chất tự quản của cộng đồng dân cư và không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính cấp xã.

#### **Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố**

1. Tổ chức của thôn, tổ dân phố phải bảo đảm tinh gọn, hợp lý; hoạt động hiệu quả; phù hợp với quy mô dân cư, đặc điểm địa bàn và yêu cầu quản lý của chính quyền địa phương cấp xã.

2. Bảo đảm hoạt động của cộng đồng dân cư thực hiện theo nguyên tắc tự quản; phát huy quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân trong tổ chức đời sống cộng đồng; giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của địa phương; bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy đảng và chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền địa phương cấp xã.

3. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; phân định rõ nhiệm vụ tự quản của cộng đồng dân cư với nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền địa phương cấp xã.

4. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Bí thư chi bộ, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản trên địa bàn; phát huy vai trò của Nhân dân trong bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng dân cư.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư, tạo thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận thông tin, tham gia các hoạt động cộng đồng và phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã trong các hoạt động tại địa bàn.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

#### **Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố**

1. Mỗi thôn có Trưởng thôn và Phó Trưởng thôn; mỗi tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố là người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định tại Nghị quyết này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Căn cứ quy mô số hộ gia đình, đặc điểm địa bàn, tính chất phức tạp và khối lượng công việc, mỗi thôn, tổ dân phố được bố trí từ 01 đến 02 Phó Trưởng thôn hoặc Phó Tổ trưởng tổ dân phố, cụ thể:

a) Đối với thôn có từ 800 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn đặc biệt khó khăn được bố trí tối đa 02 Phó Trưởng thôn hoặc Phó Tổ trưởng tổ dân phố;

b) Đối với thôn, tổ dân phố không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này được bố trí 01 Phó Trưởng thôn hoặc Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

4. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố là người giúp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố triển khai các công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định. Việc lựa chọn, công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo Nghị quyết này, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố và quy định pháp luật có liên quan.

5. Trường hợp thôn, tổ dân phố mới thành lập, được sắp xếp, tổ chức lại chưa bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

Thời gian cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời không quá 12 tháng kể từ ngày có quyết định cử. Trong thời gian này, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và cộng đồng dân cư chuẩn bị nhân sự, tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới khi đủ điều kiện; không kéo dài thời gian lâm thời nếu đã bảo đảm điều kiện tổ chức bầu.

Việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và các Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Nghị quyết này. Trường hợp khuyết do được công nhận cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì việc quyết định tiến hành bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo thời hạn quy định tại khoản 7 Điều 13 Nghị quyết này.

6. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 05 năm. Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Trường hợp cần điều chỉnh thời điểm bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để phục vụ việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc do sự kiện bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh mà không thể tổ chức bầu đúng thời hạn, Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định thời điểm tổ chức bầu phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm đúng quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở, không làm gián đoạn hoạt động của cộng đồng dân cư và phải tổ chức bầu ngay sau khi đủ điều kiện.

Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để được hướng dẫn theo quy định.

### **Điều 5. Hoạt động của thôn, tổ dân phố**

1. Hoạt động tự quản của thôn, tổ dân phố do cộng đồng dân cư bàn, quyết định và tổ chức thực hiện trên cơ sở tự nguyện, dân chủ, công khai, minh bạch, phù hợp với quy định của pháp luật, hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố, phong tục, tập quán, truyền thống và điều kiện thực tế của từng thôn, tổ dân phố, gồm:

a) Bàn và quyết định chủ trương, mức đóng góp của Nhân dân để xây dựng, sửa chữa, duy tu cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi công cộng phục vụ đời sống cộng đồng trong phạm vi thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định việc thu, chi, quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân ngoài các khoản đóng góp do pháp luật quy định; quản lý, sử dụng các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc tiếp nhận từ các nguồn tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác, bảo đảm công khai, minh bạch;

c) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức các hoạt động tự quản, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư bảo đảm giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ môi trường; phòng, chống các tệ nạn xã hội; chăm lo sức khỏe cộng đồng; xây dựng đời sống văn hóa, phát triển kinh tế, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; phát huy truyền thống đoàn kết trong cộng đồng dân cư;

đ) Tổ chức thực hiện việc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; lựa chọn, cho thôi làm Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định tại Nghị quyết này và quy định pháp luật có liên quan; bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở;

e) Tham gia ý kiến đối với các nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của cộng đồng dân cư do chính quyền địa phương cấp xã lấy ý kiến theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

2. Hoạt động phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã tại địa bàn dân cư được thực hiện trên cơ sở tôn trọng tính tự quản của cộng đồng dân cư, theo hướng dẫn của chính quyền địa phương cấp xã; phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật, gồm:

a) Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các phong trào, cuộc vận động do cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phát động;

b) Tổng hợp, phản ánh ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị chính đáng của Nhân dân; phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã xem xét, giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống cộng đồng dân cư tại địa bàn;

c) Hỗ trợ cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến cộng đồng dân cư tại địa bàn để phục vụ công tác quản lý hành chính nhà nước và quản trị địa phương theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp tuyên truyền, hướng dẫn, tạo điều kiện để Nhân dân tiếp cận thông tin, thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và các chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân;

đ) Tham gia, phối hợp thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và các hoạt động cộng đồng khác trên cơ sở vận động, tạo sự đồng thuận của Nhân dân, phù hợp với điều kiện thực tế của địa bàn;

e) Tham gia hỗ trợ chuyển đổi số tại cộng đồng dân cư; tuyên truyền, hướng dẫn Nhân dân sử dụng nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ đời sống xã hội.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chủ trì, phối hợp với Bí thư chi bộ, Ban công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức tự quản khác ở thôn, tổ dân phố xây dựng, thực hiện quy chế phối hợp nhằm bảo đảm sự thống nhất, hiệu quả trong tổ chức và hoạt động tại địa bàn; Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện quy chế phối hợp.

### **Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

1. Nhiệm vụ trong tổ chức, điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố:

a) Chủ trì hội nghị thôn, tổ dân phố; tổ chức hội nghị định kỳ hoặc cuộc họp của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổ chức để cộng đồng dân cư bàn, quyết định các nội dung thuộc phạm vi Nhân dân bàn và quyết định; tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi phải lấy ý kiến Nhân dân;

b) Tổ chức thực hiện và theo dõi việc thực hiện các quyết định của cộng đồng dân cư đã được Nhân dân trong thôn, tổ dân phố thông qua; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện;

c) Tổ chức triển khai các hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật và hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố;

d) Phân công nhiệm vụ cho Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố; phối hợp với Bí thư chi bộ, Ban công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản khác trong tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư;

đ) Thực hiện vai trò đại diện của thôn, tổ dân phố trong các quan hệ liên quan đến hoạt động của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật;

e) Báo cáo kết quả hoạt động của thôn, tổ dân phố trước hội nghị thôn, tổ dân phố theo định kỳ hằng năm hoặc khi cần thiết.

2. Nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và nhiệm vụ do chính quyền cấp xã giao:

a) Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; thực hiện dân chủ ở cơ sở và các phong trào, cuộc vận động tại địa bàn;

b) Nắm tình hình Nhân dân; tập hợp, phản ánh với chính quyền địa phương cấp xã các kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân; báo cáo kịp thời các vấn đề phát sinh tại địa bàn; tham gia hòa giải ở cơ sở, giữ gìn đoàn kết trong cộng đồng dân cư;

c) Vận động Nhân dân tham gia giữ gìn an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng dân cư tại địa bàn;

d) Phối hợp với Ban công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức tự quản khác ở thôn, tổ dân phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc hỗ trợ triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương cấp xã tại địa bàn;

đ) Phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Ban công tác Mặt trận và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức cho Nhân dân tham gia giám sát các công trình, dự án, các khoản đóng góp của Nhân dân và việc thực hiện dân chủ ở cơ sở tại địa bàn;

e) Tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, phòng thủ dân sự và bảo đảm an ninh, trật tự tại địa bàn theo quy định của pháp luật;

g) Hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã trong thực hiện chuyển đổi số, cập nhật thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý địa bàn; hướng dẫn, hỗ trợ Nhân dân tiếp cận, sử dụng nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn, phân công của chính quyền địa phương cấp xã.

### 3. Quyền hạn:

a) Đại diện cho thôn, tổ dân phố trong các quan hệ liên quan đến hoạt động của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật; là người đại diện cho cộng đồng dân cư ký hợp đồng về xây dựng công trình do Nhân dân trong thôn, tổ dân phố đóng góp kinh phí và đã được hội nghị thôn, tổ dân phố thông qua theo quy định của pháp luật;

b) Được mời tham gia các cuộc họp của chính quyền địa phương cấp xã liên quan đến việc triển khai các công việc trực tiếp liên quan đến cộng đồng dân cư;

c) Được phân công nhiệm vụ cho Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố;

d) Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 7. Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố**

1. Là công dân Việt Nam, cư trú thường xuyên tại thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã; từ 21 tuổi trở lên và không quá 70 tuổi, ưu tiên người trong độ tuổi lao động theo quy định; trường hợp đặc biệt quá 70 tuổi do Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định; có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu; có uy tín trong cộng đồng dân cư; được Nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu về đạo đức, lối sống, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông, có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên phù hợp với yêu cầu hoạt động của thôn, tổ dân phố. Trường hợp địa bàn có khó khăn về nguồn nhân sự hoặc có yếu tố đặc thù về điều kiện dân cư, lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định người có trình độ phù hợp với điều kiện thực tế nhưng phải bảo đảm uy tín, sức khỏe, năng lực vận động Nhân dân và khả năng hoàn thành nhiệm vụ.

4. Có khả năng hòa giải, xử lý tình huống phát sinh trong cộng đồng dân cư; có năng lực lập kế hoạch, tổng hợp, thống kê, báo cáo và phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

5. Không trong thời gian bị xử lý kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành bản án, quyết định của Tòa án; không thuộc trường hợp bị pháp luật cấm đảm nhiệm nhiệm vụ theo quy định.

### **Điều 8. Công tác chuẩn bị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

1. Chậm nhất 20 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu.

2. Chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định thành lập Tổ bầu cử sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Tổ bầu cử gồm đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố làm Tổ trưởng; thành viên là đại diện các tổ chức đoàn thể, chính trị - xã hội và đại diện hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố, không phải là người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

3. Các quyết định quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thông báo đến Nhân dân ở thôn, tổ dân phố, niêm yết tại nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn, tổ dân phố và thông báo trên hệ thống truyền thanh hoặc bằng hình thức khác phù hợp với điều kiện của địa phương chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu.

4. Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố tổ chức cuộc họp Ban công tác Mặt trận để dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; báo cáo cấp ủy chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất giới thiệu ít nhất 01 người ra ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; tổ chức cuộc họp Ban công tác Mặt trận sau khi có ý kiến của chi ủy chi bộ để quyết định danh sách chính thức những người ứng cử, ít nhất 01 người.

Nội dung cuộc họp Ban công tác Mặt trận phải được lập thành biên bản theo Mẫu số 05 kèm theo Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và gửi tới Ủy ban nhân dân cấp xã chậm nhất 15 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư.

Trường hợp thôn, tổ dân phố có số hộ gia đình lớn hoặc có địa bàn dân cư sinh sống rộng, không tập trung thì việc tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư theo từng cụm dân cư được thực hiện theo phương án do Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định sau khi thống nhất với Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố. Người chủ trì cuộc họp tại cụm dân cư, việc báo cáo kết quả từng cụm dân cư và tổng hợp vào kết quả chung của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

### **Điều 9. Tổ chức cuộc họp để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

1. Tổ bầu cử do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập có trách nhiệm triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Thành phần tham dự cuộc họp thực hiện theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và Nghị quyết này.

2. Việc tổ chức cuộc họp để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, thông qua chương trình cuộc họp; giới thiệu người đề cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký cuộc họp. Thư ký cuộc họp được quyết định khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp biểu quyết đồng ý;

b) Tổ trưởng Tổ bầu cử hoặc người được phân công công bố các quyết định, văn bản liên quan đến việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo chương trình cuộc họp;

c) Đại diện Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách người ứng cử do Ban công tác Mặt trận quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị quyết này; đề nghị đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp tự ứng cử hoặc đề cử người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để tham gia bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định;

d) Đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp thảo luận về danh sách người ứng cử. Kết thúc thảo luận, người chủ trì cuộc họp tổng hợp ý kiến, đề xuất nội dung cần biểu quyết và phương án biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín để người tham dự cuộc họp biểu quyết lựa chọn. Phương án biểu quyết được lựa chọn khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp biểu quyết đồng ý;

đ) Trường hợp biểu quyết bằng hình thức giơ tay, kết quả biểu quyết được kiểm đếm ngay tại thời điểm biểu quyết và ghi vào biên bản cuộc họp;

e) Trường hợp biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín, người chủ trì cuộc họp đề xuất số lượng và danh sách Ban kiểm phiếu từ 03 đến 05 người, gồm Trưởng ban và các thành viên, để đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp biểu

quyết bằng hình thức giơ tay. Ban kiểm phiếu được quyết định khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp biểu quyết đồng ý. Ban kiểm phiếu hướng dẫn thể lệ, cách ghi phiếu, bỏ phiếu; tiến hành phát phiếu, thu phiếu, kiểm phiếu; mời 02 đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp không phải là người ứng cử chứng kiến việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu theo quy định;

g) Người chủ trì cuộc họp công bố kết quả biểu quyết và kết luận cuộc họp. Người được bầu làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người được trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành. Trường hợp xác định được người trúng cử thì người trúng cử ra mắt cuộc họp.

3. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp, người chủ trì cuộc họp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ cuộc họp; quyết định của cộng đồng dân cư được lập theo Mẫu số 03 kèm theo Nghị định số 59/2023/NĐ-CP đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua phải được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã theo quy định.

4. Trường hợp cuộc họp không xác định được người trúng cử thì Tổ bầu cử lập biên bản, nêu rõ lý do không bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc tổ chức bầu lại theo quy định. Việc bầu lại Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Nghị quyết này.

#### **Điều 10. Phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình trong trường hợp cuộc họp không đủ điều kiện để đạt tỷ lệ thông qua**

1. Trường hợp nội dung bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đã được tổ chức tại cuộc họp của cộng đồng dân cư nhưng không có đủ đại diện hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP thì thực hiện phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Việc xây dựng kế hoạch, thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến, công khai thông tin, mẫu phiếu, phát phiếu, thu phiếu, kiểm phiếu, lập biên bản và gửi kết quả thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan; không sử dụng phát phiếu lấy ý kiến như phương thức thay thế ngay từ đầu cho cuộc họp của cộng đồng dân cư khi pháp luật không cho phép.

3. Kết quả lấy ý kiến được thông qua khi tổng hợp kết quả theo đúng quy định của pháp luật và có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành.

#### **Điều 11. Công nhận kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc

quyết định bầu lại; trường hợp không ban hành quyết định công nhận hoặc quyết định bầu lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

### **Điều 12. Các trường hợp cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

1. Việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được quyết định tại cuộc họp của cộng đồng dân cư đối với các trường hợp sau đây:

a) Người xin thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố vì lý do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác theo nguyện vọng cá nhân có đơn gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nêu rõ lý do xin thôi;

b) Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét cho thôi trong trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố không còn được Nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã, các quy định của cấp trên, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc khi có ít nhất 50% tổng số hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị.

2. Việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 13 Nghị quyết này.

### **Điều 13. Tổ chức cuộc họp cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố**

1. Trưởng Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư để cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đồng thời là Trưởng Ban công tác Mặt trận thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập và chủ trì cuộc họp sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

2. Trình tự tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP.

3. Quyết định của cộng đồng dân cư về việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thông qua khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp không ban hành quyết định công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp cuộc họp không thống nhất được việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

5. Trường hợp cuộc họp của cộng đồng dân cư về việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố không có đủ đại diện hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành theo quy định thì thực hiện phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình theo Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

6. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc tiến hành bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới. Việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Nghị quyết này.

7. Trong thời gian khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

### **Chương III**

## **THÀNH LẬP, SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

### **Điều 14. Nguyên tắc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố**

1. Tuân thủ quy định của pháp luật; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; kế thừa và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp; phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa bàn, quy mô dân cư và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm các điều kiện thiết yếu phục vụ tổ chức và hoạt động của cộng đồng dân cư; không làm gián đoạn việc quản lý địa bàn, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân trong quá trình thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể thôn, tổ dân phố.

2. Việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố phải phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hóa, truyền thống, điều kiện đặc thù của đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

3. Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đối với các thôn, tổ dân phố chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa, phân bố dân cư và yêu cầu tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư.

4. Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố phải xem xét kỹ các yếu tố về vị trí địa lý, địa hình, phong tục, tập quán, đặc điểm dân cư, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nguyện vọng của Nhân dân tại địa phương; bảo đảm thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, thuận lợi cho đời sống, sinh hoạt của người dân và nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ Nhân dân của chính quyền cơ sở.

5. Việc giải thể thôn, tổ dân phố được thực hiện trong trường hợp cần thiết do thay đổi các yếu tố địa lý, địa hình, do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc do thực hiện phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư.

6. Việc xác định loại hình thôn, tổ dân phố và đặt tên thôn, tổ dân phố được thực hiện đồng thời trong quy trình thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố.

7. Việc đặt tên thôn, tổ dân phố phải bảo đảm ngắn gọn, dễ nhớ, dễ viết, dễ phát âm, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa, truyền thống tốt đẹp; thể hiện được bản sắc, truyền thống địa phương. Ưu tiên kế thừa tên gọi hiện có hoặc tên gọi phù hợp với thực tiễn địa bàn; trường hợp cần thiết có thể sử dụng số thứ tự để đặt tên.

8. Việc đổi tên thôn, tổ dân phố được thực hiện trong trường hợp trùng tên thôn, tổ dân phố trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã hoặc theo nguyện vọng của Nhân dân ở thôn, tổ dân phố.

**Điều 15. Thẩm quyền thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có**

1. Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn; quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có theo quy định của Nghị quyết này.

2. Đối với trường hợp đặc thù quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này, Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định việc tổ chức thôn trong phường hoặc tổ dân phố trong xã trên cơ sở đề án của Ủy ban nhân dân cấp xã, kết quả lấy ý kiến Nhân dân, ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập hồ sơ, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, tiếp thu, giải trình và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định theo quy định.

**Điều 16. Tiêu chí của thôn, tổ dân phố**

1. Quy mô số hộ gia đình:

- a) Thôn phải có từ 500 hộ gia đình trở lên;
- b) Tổ dân phố phải có từ 700 hộ gia đình trở lên.

2. Trường hợp Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định tổ chức hoặc sử dụng tên gọi cộng đồng dân cư theo khoản 2, khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này thì áp dụng tiêu chí quy mô số hộ gia đình tương ứng với loại hình thôn hoặc tổ dân phố

quy định tại khoản 1 Điều này; trường hợp tên gọi truyền thống không thuộc tên gọi thôn hoặc tổ dân phố thì phải xác định rõ loại hình tương ứng để áp dụng tiêu chí, chế độ, chính sách và trình tự, thủ tục quản lý thống nhất.

3. Đối với thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù như địa bàn miền núi, xã miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn; địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; khu dân cư biệt lập, cồn trên sông; địa bàn trọng điểm về quốc phòng, an ninh, trật tự hoặc trường hợp đặc thù khác của Thủ đô cần được xem xét trên cơ sở yêu cầu quản lý và điều kiện thực tế của địa bàn thì quy mô số hộ gia đình có thể thấp hơn quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp thôn, tổ dân phố chưa bảo đảm tiêu chí quy mô số hộ gia đình theo khoản 1 Điều này nhưng thuộc trường hợp đặc thù quy định tại khoản 3 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp xã phải lập phương án, báo cáo giải trình cụ thể về sự cần thiết, điều kiện thực tế, yêu cầu quản lý, mức độ ổn định và gắn kết cộng đồng dân cư, ý kiến Nhân dân và gửi Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định theo thẩm quyền; không giao Ủy ban nhân dân cấp xã tự quy định tiêu chí mới ngoài khung quy định tại Nghị quyết này.

### **Điều 17. Thành lập thôn, tổ dân phố trong các trường hợp đặc biệt**

1. Trường hợp thành lập phường từ xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát, xây dựng phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn theo loại hình tổ dân phố để lấy ý kiến Nhân dân đồng thời trong hồ sơ Đề án thành lập phường. Kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường có hiệu lực thi hành, Hội đồng nhân dân phường quyết định việc sắp xếp, tổ chức lại và sử dụng tên gọi tổ dân phố trên địa bàn, trừ trường hợp cần thiết do yếu tố lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán hoặc yêu cầu thực tiễn của địa phương thì Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định tiếp tục tổ chức thôn trong phường hoặc sử dụng tên gọi truyền thống theo quy định tại Điều 2 và Điều 15 Nghị quyết này.

2. Trường hợp khi xây dựng hồ sơ Đề án thành lập phường từ xã mà chưa xây dựng được phương án tổ chức tổ dân phố thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể để thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại tổ dân phố sau khi thành lập phường, bảo đảm tiêu chí quy mô số hộ gia đình theo quy định của Nghị quyết này.

3. Trường hợp khu vực dân cư mới hình thành chưa đủ điều kiện để thành lập thôn, tổ dân phố theo quy định thì Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có cho phù hợp, bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý của chính quyền địa phương cấp xã và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

4. Đối với khu vực dân cư hình thành từ lâu do yếu tố lịch sử, canh tác, cư trú trong cùng Thành phố nhưng không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính

cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan thống nhất phương án chuyển giao cộng đồng dân cư để thuận tiện cho hoạt động quản lý và sinh hoạt của cộng đồng dân cư. Sau khi thống nhất phương án chuyển giao:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thôn, tổ dân phố trước khi chuyển giao trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giải thể thôn, tổ dân phố hoặc điều chỉnh phạm vi quản lý của thôn, tổ dân phố có liên quan;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận thôn, tổ dân phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc thành lập thôn, tổ dân phố mới nếu bảo đảm tiêu chí, điều kiện theo quy định của Nghị quyết này; trường hợp không bảo đảm tiêu chí, điều kiện thì thực hiện việc ghép vào thôn, tổ dân phố hiện có theo quy định tại khoản 3 Điều này.

**Điều 18. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố**

1. Căn cứ tiêu chí, nguyên tắc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo quy định của Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm công khai Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố và tổ chức lấy ý kiến Nhân dân bằng hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở để làm cơ sở hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định; thời gian lấy ý kiến tối thiểu là 07 ngày. Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân phải thể hiện rõ tổng số hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình được lấy ý kiến, số lượng, tỷ lệ đồng ý, không đồng ý, ý kiến khác, nội dung tiếp thu, giải trình.

3. Hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố, gồm các nội dung chủ yếu: sự cần thiết; hiện trạng quy mô số hộ gia đình; phương án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại; tên gọi của thôn, tổ dân phố; điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; phương án bố trí, giải quyết đối với người hoạt động không chuyên trách; phương án bàn giao tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu, nhiệm vụ đang thực hiện; phương án công khai thông tin để bảo đảm ổn định hoạt động của cộng đồng dân cư và không làm gián đoạn việc giải quyết công việc liên quan đến Nhân dân;

c) Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân;

d) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã.

4. Trên cơ sở hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã trình, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết về việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

**Điều 19. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có**

1. Trường hợp giải thể thôn, tổ dân phố:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Tờ trình về việc giải thể thôn, tổ dân phố, kèm theo danh sách các hộ gia đình thuộc thôn, tổ dân phố thực hiện giải thể;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với Tờ trình về việc giải thể thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở để làm cơ sở hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định; thời gian lấy ý kiến tối thiểu là 07 ngày; tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân;

c) Hồ sơ giải thể thôn, tổ dân phố gồm: Tờ trình kèm theo danh sách các hộ gia đình thuộc thôn, tổ dân phố thực hiện giải thể; phương án bàn giao tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu, nhiệm vụ đang thực hiện và phương án bảo đảm ổn định sinh hoạt cộng đồng dân cư sau giải thể; Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân; dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về việc giải thể thôn, tổ dân phố;

d) Trên cơ sở hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã trình, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết về giải thể thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

2. Trường hợp đổi tên thôn, tổ dân phố:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã lập Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố, trong đó nêu rõ lý do đổi tên và tên của thôn, tổ dân phố sau khi đổi tên;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố bằng hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở để làm cơ sở hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định; thời gian lấy ý kiến tối thiểu là 07 ngày; tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân;

c) Hồ sơ đổi tên thôn, tổ dân phố gồm: Tờ trình và Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố; Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân; dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về việc đổi tên thôn, tổ dân phố;

d) Trên cơ sở hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết về đổi tên thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

3. Trường hợp ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã lập Phương án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có, trong đó nêu rõ sự cần thiết, phạm vi cụm dân cư được ghép, số hộ gia đình, thôn, tổ dân phố tiếp nhận;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân tại cụm dân cư được ghép và thôn, tổ dân phố tiếp nhận bằng hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở để làm cơ sở hoàn thiện hồ sơ trình

Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định; thời gian lấy ý kiến tối thiểu là 07 ngày; tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân;

c) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có gồm: Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã; Phương án ghép cụm dân cư, trong đó nêu rõ việc bàn giao, quản lý hồ sơ, tài liệu, tài chính, tài sản, nhiệm vụ liên quan và trách nhiệm của thôn, tổ dân phố tiếp nhận; Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân; dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã;

d) Trên cơ sở hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

#### **Chương IV**

### **SỐ LƯỢNG, CHỨC DANH VÀ MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

#### **Điều 20. Số lượng, chức danh**

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gồm các chức danh: Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố; Bí thư chi bộ; Trưởng Ban công tác Mặt trận; Phó Trưởng thôn hoặc Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn, tổ dân phố không quá 05 người. Việc bố trí cụ thể phải căn cứ quy mô dân cư, đặc điểm địa bàn, tính chất phức tạp, khối lượng công việc, yêu cầu tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư và không thực hiện bình quân, cào bằng.

#### **Điều 21. Quỹ phụ cấp hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố**

1. Căn cứ mức quỹ phụ cấp theo quy định của Chính phủ, thẩm quyền đặc thù của Thành phố theo Luật Thủ đô và yêu cầu quản lý, quy mô dân cư, tính chất hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn Thành phố, ngân sách Thành phố bố trí phần kinh phí tăng thêm để bảo đảm quỹ phụ cấp hằng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố cao hơn mức chung, cụ thể như sau:

a) Đối với thôn có từ 800 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng, an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn đặc biệt khó khăn được áp dụng quỹ phụ cấp hằng tháng bằng 12,0 lần mức lương cơ sở, gồm mức quỹ phụ cấp theo quy định của Chính phủ và phần kinh phí tăng thêm do ngân sách Thành phố bảo đảm. Cơ cấu phụ cấp gồm: Bí thư chi bộ: 2,8 lần mức lương cơ sở; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố: 2,8 lần mức lương cơ sở; Trưởng Ban công tác Mặt trận: 2,4 lần mức lương cơ sở; Phó Trưởng thôn hoặc Phó Tổ trưởng tổ dân phố: 2,0 lần mức lương cơ sở/người, áp dụng đối với tối đa 02 người;

b) Đối với thôn, tổ dân phố không thuộc quy định tại điểm a khoản này được áp dụng quỹ phụ cấp hằng tháng bằng 9,0 lần mức lương cơ sở, gồm mức quỹ phụ cấp theo quy định của Chính phủ và phần kinh phí tăng thêm do ngân sách Thành phố bảo đảm. Cơ cấu phụ cấp gồm: Bí thư chi bộ: 2,5 lần mức lương cơ sở; Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố: 2,5 lần mức lương cơ sở; Trưởng Ban công tác Mặt trận: 2,15 lần mức lương cơ sở; 01 Phó Trưởng thôn hoặc 01 Phó Tổ trưởng tổ dân phố: 1,85 lần mức lương cơ sở.

2. Quỹ phụ cấp hằng tháng quy định tại khoản 1 Điều này là mức chi phụ cấp hằng tháng đối với các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; không bao gồm kinh phí đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật.

3. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm không quá 01 chức danh người hoạt động không chuyên trách khác ở thôn, tổ dân phố và được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm. Việc bố trí kiêm nhiệm và chi trả phụ cấp kiêm nhiệm phải bảo đảm đúng đối tượng, đúng chức danh, phù hợp yêu cầu nhiệm vụ, đúng nguồn kinh phí và không vượt quá phạm vi chế độ, chính sách quy định tại Nghị quyết này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Kinh phí đóng, hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được thực hiện riêng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành; không tính trong quỹ phụ cấp hằng tháng quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 22. Quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng và một số chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố**

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố chịu sự quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, phân công nhiệm vụ của cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ được giao; ưu tiên bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền, vận động Nhân dân, hòa giải ở cơ sở, tổ chức hoạt động cộng đồng dân cư; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, sử dụng nền tảng số, cập nhật dữ liệu, khai thác cơ sở dữ liệu và hỗ trợ Nhân dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo quy định. Khi được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng thì được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật.

3. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và quy định của pháp luật hiện hành.

4. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố nghỉ do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế nếu thuộc đối tượng, điều kiện theo quy định; việc xác định đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục, nguồn kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Chương V**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 23. Nguồn kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố**

1. Nguồn kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành. Riêng năm 2026, ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu phần kinh phí tăng thêm.

2. Nguồn kinh phí chi trả bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

3. Quỹ Bảo hiểm xã hội chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.

#### **Điều 24. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân Thành phố:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn theo quy định tại Nghị quyết này;

b) Bảo đảm các điều kiện hoạt động và thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật;

c) Quy định, hướng dẫn cụ thể các nội dung thuộc thẩm quyền để tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố;

d) Chỉ đạo công khai phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố; hướng dẫn việc bàn giao tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu, nhiệm vụ đang thực hiện khi thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể thôn, tổ dân phố; định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố về kết quả thực hiện Nghị quyết để phục vụ công tác giám sát, phản biện xã hội theo quy định;

đ) Tổ chức rà soát các văn bản do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành có liên quan đến tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; kịp thời ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định không còn phù hợp, bảo đảm thống nhất với Nghị quyết này và quy định của pháp luật có liên quan;

e) Nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền để tổ chức thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố tại một số địa bàn đặc thù như: những tổ dân phố có quy mô rất lớn tại đô thị; các thôn, tổ dân phố trong các khu đô thị đa mục tiêu; thôn, tổ dân phố tại các xã, phường thực hiện thí điểm mô hình khác theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền; trên cơ sở đó sơ kết, tổng kết và báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố để sửa đổi, bổ sung các quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn Thành phố.

2. Sở Nội vụ hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này; việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; hướng dẫn việc công khai phương án, lấy ý kiến Nhân dân, tổng hợp, tiếp thu, giải trình, bàn giao hồ sơ, tài liệu, tài chính, tài sản và nhiệm vụ liên quan; định kỳ tổng hợp, đánh giá, tham mưu sơ kết, tổng kết, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố và tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Sở Tài chính tham mưu bảo đảm nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo phân cấp ngân sách hiện hành; hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

4. Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội hướng dẫn, phối hợp thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật và theo thẩm quyền.

5. Các sở, ngành Thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các nội dung liên quan đến tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của thôn, tổ dân phố; tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; lập hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của Nghị quyết này; công khai phương án, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, tiếp thu, giải trình đầy đủ, thực hiện bàn giao tài chính, tài sản, hồ sơ, tài liệu, nhiệm vụ liên quan và bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động của cộng đồng dân cư;

Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Nhân dân.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động, giám sát việc thực hiện Nghị quyết; tham gia tạo sự đồng thuận xã hội trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố; phát huy vai trò của Ban công tác Mặt trận trong việc dự kiến, giới thiệu nhân sự, phối hợp tổ chức cuộc họp cộng đồng dân cư, giám sát việc lấy ý kiến Nhân dân, tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân và việc thực hiện dân chủ ở cơ sở.

## **Điều 25. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Bãi bỏ:
  - a) Bãi bỏ khoản 2 Điều 2 và Điều 4 Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;
  - b) Bãi bỏ điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về mức hỗ trợ hàng tháng đối với Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố;
  - c) Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, các quy định về chế độ, chính sách đối với Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố tại Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội hết hiệu lực thi hành; chế độ, chính sách đối với Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo Nghị quyết này.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

## **Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Đối với các phường khi thực hiện sắp xếp tổ dân phố, trường hợp có khu vực dân cư đặc thù chưa bảo đảm tiêu chí để thành lập tổ dân phố nhưng có lịch sử hình thành, phong tục, tập quán, phương thức sinh hoạt cộng đồng theo mô hình thôn thì được tiếp tục tổ chức mô hình thôn thuộc phường cho đến khi đủ điều kiện sắp xếp, tổ chức lại theo tiêu chí tổ dân phố hoặc khi có quyết định khác của Hội đồng nhân dân cấp xã theo quy định tại Nghị quyết này.
2. Đối với các xã khi thực hiện sắp xếp thôn, trường hợp có khu vực dân cư đặc thù có vai trò, vị trí quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội; đạt mức độ đô thị hóa cao; trình độ phát triển hạ tầng và không gian đô thị cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý khu vực đô thị thì được tổ chức mô hình tổ dân phố thuộc xã theo quy định tại Nghị quyết này và tiếp tục hoàn thiện hồ sơ, điều kiện để đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận tiêu chuẩn đô thị theo quy định của pháp luật.
3. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí về thôn, tổ dân phố từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến trước ngày 30 tháng 6 năm 2026 nghỉ do thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố thì được hưởng chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã do sắp xếp theo quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế và các quy định pháp luật có liên quan.
4. Trong giai đoạn từ ngày Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 có hiệu lực thi hành, ngày 01 tháng 7 năm 2025, đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chủ động rà soát, cân đối, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện đóng hoặc truy đóng đầy đủ, kịp thời, nhằm bảo đảm quyền lợi cho đối tượng này.

5. Đối với chức danh Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố đang là người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, việc chuyển sang chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được thực hiện kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách khác đối với chức danh Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện theo Nghị quyết này và quy định của pháp luật có liên quan kể từ thời điểm được bố trí, công nhận theo quy định.

6. Đối với các trường hợp người đang giữ chức danh Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn mới theo quy định tại Nghị quyết này thì tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cho đến khi thôi giữ chức vụ theo quy định hoặc đến khi cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc sắp xếp, bố trí, kiện toàn lại chức danh theo phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố; Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát, hướng dẫn, bố trí, sắp xếp phù hợp, bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động của cộng đồng dân cư.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 02 tháng 6 năm 2026. /*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL-Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội;
- Các Ban Đảng Thành ủy, Văn phòng Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND TP, UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL và CNS Thành phố;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Phùng Thị Hồng Hà**